



Ngành Hán Nôm mãi đau đầu trong tôi

Đặt bút viết Hồi cố và cảm xúc về ngành Hán Nôm, nhưng dòng hồi cố của tôi lại chảy miên man về nhiều phương, cũng như công việc của tôi từ ngày nghỉ hưu chưa lúc nào ngừng lắng. Có lẽ bởi tôi đã gắn với chữ Hán, chữ Nôm từ quá sớm. Tôi được học Trung văn ở phổ thông, rồi đại học, tại khoa lúc đó giáo trình Trung văn cũng có cả âm Hán Việt. Việc đó giúp tôi duy trì thói quen và ham mê học chữ Hán, đọc theo âm Hán Việt. Trong những năm học văn tại Khoa Khoa học Xã hội (Kí túc xá Láng), chúng tôi vẫn được học thêm chữ Hán do cụ Trần Lê Hữu – thân phụ PGS. Trần Lê Sáng dạy, và một số buổi do cụ Đỗ Văn Hí dạy, tôi còn nhớ nhiều bài cụ dạy nhưng không nhớ lớp học do cơ quan nào của Bộ Văn hoá tổ chức nữa, hình như Vụ Bảo tồn Bảo tàng. Lớp bồi dưỡng chính quy chính là các lớp Hán Nôm sau đại học do Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam mở. Lớp học này, tôi thực sự chờ đón, vì ra trường vào giữa thời chống Mĩ, giữa những năm ác liệt, nhưng lúc này tôi lại có nhiều thời gian ở nơi sơ tán. Có lần nghe lảng máng lớp chuẩn

bị khai giảng, tôi đã khăn gói lên huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang, nơi Viện (Ban?) Hán Nôm sơ tán. Nhưng lớp học này mãi đến năm 1973 mới chính thức khai giảng tại phố Trần Xuân Soạn, Hà Nội. Lớp học này có các thầy dạy là các bậc túc Nho như cụ Đỗ Ngọc Toại, cụ Trần Duy Vốn, cụ Đào Phương Bình, đặc biệt là cụ Lê Thuộc bậc đại khoa của triều Nguyễn, các giáo sư thân thuộc nổi tiếng như GS. Đào Duy Anh, GS. Cao Xuân Huy, GS Trương Đình Nguyên... Nhiều giáo sư của Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội lúc đó cũng tham gia dạy về sử học và văn học như GS. Phan Huy Lê, GS. Đinh Xuân Lâm, GS. Trần Đình Huợc...

Sau khi học xong lớp Hán Nôm sau đại học (1973 -1975) và trở lại làm cán bộ giảng dạy tại Bộ môn Hán Nôm (1980), đến nay đã nghỉ hưu sáu năm, tôi vẫn gắn bó với giảng dạy và nghiên cứu tại Trường, có thể coi là đẳng đẳng với sinh viên, với Khoa, với Trường và với đời... Công việc còn bận bẻ, hưu mà chưa thể nghỉ. Nhưng may mà ngành Hán Nôm là một ngành có thể du nghệ được, dù vất vả mệt mỏi mấy thì vẫn

■ PGS.TS NGUYỄN VĂN THINH

luôn tìm thấy cái hay, cái đẹp, cái cảm hứng, cái tâm linh trong ngôn từ và văn chương để mà hăng hái.

Mấy chục năm qua hay ít nhất là từ sau kỉ niệm 25 năm thành lập Ngành Hán Nôm, Ngành Hán Nôm đã vắng bóng các thầy Trần Thuyết, Lê Khánh Xoa, Đinh Trọng Thanh (nguyên Chủ nhiệm Bộ môn), Nguyễn Duy Chính, trong Khoa Văn học thì PGS.NGND Bùi Duy Tân; các thầy của trường và viện thì có PGS. Đặng Đức Siêu, TS. Hoàng Văn Lâu...

Tôi cũng sống ở Bộ môn trong giai đoạn tách nhập, bổ sung, khẳng định sự tồn tại hay không tồn tại, tồn tại như thế nào, ra sao... Lắm chuyện vui buồn, nhiều sự thử thách, chẳng đến mức sóng gió biển khơi, nhưng cũng đủ minh xác, tỉnh tỉnh, bản lĩnh và tình yêu nghề nghiệp.

Tôi đã viết một số chuyện gắn với chuyên môn, nhưng khuôn khổ bài viết có hạn, nên thử ngắt một vài phác thảo gửi tới bạn đọc nhân dịp kỉ niệm Ngành.



Về thư pháp:

Trong dân gian đã lưu truyền tục ngữ “Văn hay chữ tốt”, thực là một yêu cầu cao đối với người đi học, là sự đánh giá khả năng của một nho sĩ – người trí thức xưa họ không chỉ giỏi về văn mà còn viết chữ đúng, chữ đẹp. Chỉ có như vậy họ mới mong vượt vũ môn khoa cử, tham gia vào đội ngũ văn quan trị quốc. Thư pháp – nghệ thuật viết chữ ra đời và phát triển được là dựa trên đặc điểm của bản thân văn tự Hán – loại văn tự khối vuông, căn bản là tượng hình (trên thực tế chỉ sự cũng là một dạng của tượng hình), dựa trên sự đa dạng linh hoạt của nét chữ, thể chữ và yêu cầu nói trên.

Dân gian lại còn câu: “Nhất chữ, nhì tranh, tam sành, tứ mộc”, trong bốn loại sản phẩm nghệ thuật này, chữ được xếp hàng đầu, có lẽ không chỉ vì vấn đề của ngôn từ mà xếp như vậy, chắc hẳn còn một lí do, nghệ thuật thư pháp là loại nghệ thuật hết sức đặc thù của văn tự, thể hiện bằng những nét cũng rất đặc thù, chiều sâu của chữ lại là ý nghĩa của nó; lại nữa, với ngọn bút lông mềm mại, với mực nho đen sẫm, thể hiện trên giấy trắng thô, người viết phải vận dụng tổng hợp hệ thao tác tay, hơi thở điều hành chính lí công lực, khí lực và thần lực.

Có thể nói, văn tự trên bản bia, minh thời Lí, số còn lại đến nay không thật nhiều, nhưng đa phần thể hiện một trình độ thư pháp chữ Hán do người Việt sáng tác, viết và khắc chạm đạt đến trình độ cao của nghệ thuật thư pháp thời kì đầu của lịch sử văn hoá Việt Nam độc lập tự chủ. Có thể đem thành tựu ấy đặt trong bức tranh toàn cảnh của lịch trình và thành tựu của thư pháp Việt Nam. Từ Lý đến Trần, Hồ, Lê, Trịnh, Mạc, Tây Sơn và Nguyễn, ngoài văn bia, còn có thể tìm trong di tích tôn giáo, lịch sử, văn hoá, trong hoành phi câu đối, rồi trong kho thư tịch Hán Nôm... với số lượng văn bản viết tay nhiều hơn văn bản khắc in, lại phong phú hơn về các tay bút.

Trong thời gian giảng dạy tại Bộ môn Hán Nôm, chúng tôi cũng từng bàn đến hoạt động thư pháp và sáng tác thể loại văn học cổ như câu đối chữ Hán, chữ Nôm nhưng vì thời lượng có hạn, người dạy thư pháp cũng thật hiếm hoi. Trong đó quan niệm về thư pháp và sáng tác thể loại văn học cổ thật sự mờ nhạt trong quan niệm chung của ngành Hán Nôm. Điều đó, cũng có sự

đương nhiên tất dẫn đến hoặc chưa được coi trọng đúng mức, cho nên bằng con đường riêng chúng tôi đã tìm cách đưa hoạt động thư pháp từng bước đi vào ngành Hán Nôm. Chúng tôi đã mở đầu bằng việc mời cụ Lê Xuân Hoà, nhà thư pháp lão thành tham gia giảng dạy thư pháp trong các buổi chúng tôi giảng Hán văn thời Lê. Công việc được tiến hành tại Trường ĐHKHXH&NV và Trường Viết văn Nguyễn Du – nơi chúng tôi được thỉnh giảng. Chúng tôi đã giành một ít thời gian cho việc học viết thư pháp và thường thực hiện vào đầu hoặc cuối buổi học, rất may là thời gian này cụ Lê Xuân Hoà còn khoẻ và đi lại rất nhanh nhẹn, cụ lại rất hào hứng trong các buổi giảng, mà các học viên thì thật sôi động. Tôi không thể nào quên được vóc dáng mạnh khoẻ, mái đầu bạc phơ của cụ Hoà giữa lớp sinh viên Hán Nôm non trẻ này. Bài giảng là bài thơ hay một đoạn văn nào đó, tôi thường đưa trước để cụ viết ra giấy rồi photo để phát cho sinh viên, trên lớp cụ viết trên giấy dó, giấy photo đồng thời giảng cách viết các nét, các thể chữ. Tôi thật không ngờ thư pháp lại có sức hấp dẫn đối với sinh viên ngành Hán Nôm và các nhà văn tương lai đến như vậy. Cụ Hoà thực hiện cũng chỉ được một số khoá ở Trường ĐHKHXH&NV, còn ở Trường Viết văn Nguyễn Du thời lượng lại ít hơn. Sau tôi cử vũ sinh viên lớp trên hướng dẫn lớp dưới, người viết khá hướng dẫn người mới học. Do vậy, đã dần hình thành các nhóm, có khi gọi hẳn là lớp, thu hút cả sinh viên ngoài chuyên ngành. Có nhiều năm hoạt động hè, sinh viên ngành Hán Nôm thực

hiện hướng dẫn Hán Nôm cho học sinh phổ thông ở ngoại thành Hà Nội do trường phổ thông ở địa phương tổ chức hoặc Cung thiếu nhi tổ chức. Các buổi khai mạc, tổng kết lớp học chúng tôi cùng đại biểu của nhà trường đều đến dự. Một thời sôi nổi các hoạt động thư pháp với các nhóm viết của các khoá 40, 41, 42... tiêu biểu là ThS Nguyễn Quang Thắng (hiện đang công tác tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm), Nguyễn Văn Nguyên, ThS. Phạm Văn Ánh (Viện Văn học), Nguyễn Đức Dũng rồi Nguyễn Đạt Thúc (Cục Di sản), TS. Trần Trọng Dương, TS. Nguyễn Tô Lan, ThS. Phạm Văn Tuấn, Nguyễn Văn Thanh... (Viện Nghiên cứu Hán Nôm). Các sinh viên ở lại Trường làm cán bộ giảng dạy Hán Nôm cũng thường là những người có khả năng thư pháp tốt như ThS. Đinh Thanh Hiếu, TS. Nguyễn Tuấn Cường. Có thể nói, đây là những người “văn hay chữ tốt”. Họ đã cùng nhau từng viết chữ và tổ chức được một số cuộc triển lãm, trưng bày thư pháp, lấy chủ đề *Tôn sư trọng đạo nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, Tết - Xuân, Chào mừng năm học mới...* Các bản viết thư pháp chữ Hán chữ Nôm trên giấy dó đều được bồi thành trục cuốn hay viết trên giấy, trên bia màu cho vào khung kính. Theo đà đó, nhiều triển lãm đã được thực hiện tại Trường ĐHKHXH&NV, làm tăng thêm sức hấp dẫn lôi cuốn của ngành Hán Nôm. Sau này, hoạt động thư pháp còn đi vào chiều sâu để phục vụ học tập và tuyên truyền những nét hay, nét đẹp của di sản Hán Nôm, đồng thời hoạt động này còn vượt khỏi khuôn khổ của Trường



ĐHKHXH&NV, lan toả ra tới các địa phương có truyền thống văn hoá Hán Nôm như Hải Dương, Hưng Yên, Huế.

Từ khi Bộ môn Hán Nôm kết hợp với Câu lạc bộ Thư pháp của UNESCO Việt Nam thi hoạt động thư pháp của Bộ môn Hán Nôm đã được sự ủng hộ của cả Trường ĐHKHXH&NV và Hiệp hội UNESCO. Bộ môn đã đón 2 đoàn thư pháp đến từ Trung Quốc đại lục, mỗi đoàn trên 50 thành viên, mỗi người đều có một vài tác phẩm để trưng bày tại Trường. Cán bộ và sinh viên Ngành Hán Nôm và nhiều ngành khác trong Trường có dịp được thưởng thức thư hoạ của nhiều nhà thư hoạ đương đại Trung Quốc; đặc biệt là Đoàn thư pháp do nhà thư hoạ Dương Trung Tử, Phó Chủ tịch Hội thư hoạ Bắc Kinh, thuộc học phái của Từ Bi Hồng dẫn đầu, với hơn 70 nhà thư hoạ của Thủ đô Bắc Kinh, các thành phố như Thương Hải, Thâm Quyến, các tỉnh như Quảng Đông, Quảng Tây, khu Nội Mông; trong đoàn có nhà thư hoạ lão thành Trịnh Kinh Đài là hậu duệ của nhà thơ Trịnh Bản Kiều. Đoàn đã tặng ĐHQGHN nhiều bức thư hoạ (Trung tâm Thông tin – Thư viện ĐHQGHN hiện lưu giữ những bức thư hoạ có giá trị ấy).

Hoạt động thư pháp còn được thực hiện tốt khi Bộ môn Hán Nôm có sự quan tâm đầu tư của ĐHQGHN và Trường Đại học KHXH&NV trong Dự án phát triển Hán Nôm học. Trong hai năm này, Giám đốc ĐHQGHN, cố Giáo sư Viện sĩ Nguyễn Văn Đạo đã trực tiếp chỉ đạo dự án thực thi tại thành phố Huế, nơi chúng tôi xác định là một vùng văn hoá Hán Nôm tiêu biểu (trừ một số tháng Huế bị mưa lụt nặng làm gián đoạn phải chuyển hoạt động về Hải Dương – cũng là một trong số những vùng văn hoá Hán Nôm với nhiều nhà khoa bảng và tác gia Hán Nôm nhất). Có được dự án này, trước nhất Bộ môn Hán Nôm được trang bị phòng, phương tiện, máy móc, tư liệu. Riêng tư liệu tra cứu Hán Nôm được ưu tiên, trong đó có bộ *Trung Hoa văn hoá thông điển* gồm gần 100 tập có giá trị cho tham khảo nhiều vấn đề điển chế quốc gia, văn hoá, giáo dục, phong tục.

Sau này Bộ môn Hán Nôm xây dựng được đề tài cấp quốc gia về bảo vệ và khai thác Văn hoá Hán Nôm Huế. Đề tài đã tiếp tục thực thi hoạt động thư pháp như in carte

chúc mừng năm mới, sáng tác câu đối theo chủ đề thông qua thư pháp và sáng tác văn học để tuyên truyền kiến thức Hán Nôm, nét đẹp của văn hoá Hán Nôm trong ngành, trong trường.

Trong thời gian thực hiện đề tài “Văn hoá Hán Nôm Huế”, cùng với Hội thảo quốc gia về bảo tồn và phát huy di sản Hán Nôm ở Huế, chúng tôi đã thực hiện một cuộc trưng bày về tư liệu Hán Nôm quý hiếm và thư pháp tại Huế, đã hỗ trợ một phần kinh phí cho một số công trình ra đời như: *Vỡ cửa* của TS. Nguyễn Thuý Nga, bản dịch tập thơ của Hoàng đế Minh Mạng do nhà nghiên cứu Hán Nôm Phan Thuận An dịch, tập thư pháp do tay bút thư pháp Nguyễn Phước Hải Trung của Huế viết. Đề tài cũng đưa được 3 đoàn sinh viên vào Huế thực tập tốt nghiệp, đã có 20 khoá luận tốt nghiệp, 6 luận văn thạc sĩ của Ngành Hán Nôm khảo cứu về các di tích Huế và thư tịch triều Nguyễn... Tất cả những hoạt động và thành tựu của Ngành Nôm nói trên, chúng tôi đều tạo điều kiện để thư pháp – môn nghệ thuật đặc thù đẩy sức hấp dẫn thu hút xã hội và mở đường cho nhiều hoạt động Hán Nôm của mình.

Trong hoạt động thư pháp của Bộ môn Hán Nôm không thể quên được các hoạt động hợp tác giữa Trường ĐHKHXH&NV – CLB UNESCO Thư pháp Việt Nam với Học hội thư pháp truyền thừa Đài Bắc do GS. Phan Khánh Trung làm Hội trưởng. Người mở đầu cho sự hợp tác này là nhà thư pháp lão thành Lê Xuân Hoà, sự hợp tác được thực hiện và duy trì bởi Trường ĐHKHXH&NV. Các chương trình hợp tác trong nhiều năm đã làm được nhiều việc liên quan đến bồi dưỡng kiến thức thư pháp, thường thức thư pháp. Phía Đài Loan đã 4 lần cử đoàn đến thăm và giao lưu thư pháp tại Việt Nam. Việt Nam cũng cử một đoàn thư pháp do ĐHQGHN dẫn đầu sang thăm và nghiên cứu thư pháp tại Đài Bắc. Trong 4 lần sang thăm Việt Nam, Đoàn thư pháp Truyền thừa đã phối hợp với Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN thực hiện cuộc giao lưu giữa nhà thư pháp Lê Xuân Hoà với GS. Phan Khánh Trung tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám, 3 lần thực hiện chương trình đào tạo thư

pháp tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám và Trường ĐHKHXH&NV; BGH Nhà trường và Hội thư pháp Đài Bắc đã kết hợp cấp chứng chỉ cho các học viên. Học hội truyền thừa và CLB UNESCO đã phối hợp cấp chứng nhận cho các hội viên của Học hội thư pháp Truyền thừa có tác phẩm tham gia triển lãm tại Việt Nam.

Ở phần này, xin có mấy điểm nhấn mạnh:

- Gắn với văn tự Hán Nôm là thư pháp Hán Nôm – môn nghệ thuật chữ viết đặc thù. Nó không chỉ có ý nghĩa văn hoá mà còn có ý nghĩa khoa học vì việc học và phiên dịch cổ văn còn phải giải mã văn tự, đó là các thể chữ khó đọc như: hành, lệ, triện, đặc biệt là thảo; do vậy, khó có thể tách rời thao tác thư pháp trong quá trình nhận diện văn tự.

- Phong trào thư pháp không chỉ khơi dậy tình yêu và cảm hứng với môn nghệ thuật viết chữ tại Trường ĐHKHXH&NV, mà còn mở rộng tinh thần ấy ra toàn ngành Hán Nôm.

- Phong trào đó đã tạo ra một số cây viết thư pháp tốt, nếu được bồi dưỡng tiếp tục thì có thể trở thành những nhà thư pháp. Tôi rất vui mừng khi Bộ môn Hán Nôm đã đưa vào chương trình giảng dạy chính thức môn thư





pháp, đó là sự khẳng định vị trí của môn học này trong hệ thống các môn học của ngành Hán Nôm.

Về sáng tác theo thể loại văn học cổ:

Trong di sản Hán Nôm, di sản văn học chiếm số lượng lớn, trong đào tạo văn học, Hán Nôm cũng được ưu tiên sử dụng. Với đặc trưng vẫn là sản phẩm của tư duy hình tượng, gắn bó với thể loại văn học trung đại, cho nên trong nghiên cứu, dịch thuật và giảng dạy, chúng tôi luôn chú ý đến đặc trưng đối ngẫu trong các thể loại này. Chúng tôi chú trọng làm quen với câu đối vì câu đối là đơn vị nhỏ nhất để làm các thể biến ngẫu như thơ, phú, văn tế... Tất nhiên làm các thể loại này khó có thể đặt ra trong đào tạo Hán Nôm thời nay, vì mục tiêu học Hán Nôm lấy nghiên cứu di sản và dịch thuật là chính, chỉ đến một lúc nào đó, khi người làm Hán Nôm phải giải quyết những vấn đề mang tính văn hoá như sáng tác câu đối, đại tự cho những di tích mới, làm minh văn cho những chuông mới đúc, thì công việc đó mới được đặt ra cấp thiết. Ai có thể làm thay các nhà Hán Nôm học? Mặt khác, khi dịch thuật các thể loại văn biến ngẫu, để truyền đạt được nội dung, chất lượng nghệ thuật, dịch giả không thể không chú ý đến việc dịch theo thể loại. Muốn làm được điều đó trong học tập của sinh viên cũng như trong nghiên cứu của cán bộ, thì cần phải giành thời gian để học và thao tác về thể loại, trước tiên và cơ bản nhất là câu đối.

Có lẽ một trong những người thầy ở thời khai cơ tại Bộ môn Hán Nôm là thầy Nguyễn Đình Thăng. Thầy rất chú trọng việc giảng dạy và sưu tầm câu đối, trong tủ sách Hán Nôm của Thầy tôi đã thấy những tập câu đối sưu tầm, có cả tập câu đối tại các nhà thờ Thiên chúa giáo. Tôi cũng thường nhận được những câu đối mừng xuân, tặng bạn, kể cả những câu về xử thế nhân sinh. Tôi nhớ trong Lễ kỉ niệm 25 năm thành lập Ngành Hán Nôm cách đây 15 năm, Thầy có làm một bài văn về chúa sách, đọc sách, một bài văn có nhiều câu biến ngẫu. Thầy cũng làm đôi câu đối bằng chữ Hán trung bày cùng với nhiều câu đối khác. Nhiều câu đối Thầy tặng cho tôi đã khắc ghi dấu ấn của những chặng đường từ ngày học lớp Văn hoá 8 đến những năm tháng cùng nhau thực hiện đề tài "Văn hoá Hán Nôm ở Huế", đậm đà tình cảm và học thuật.



Đối với ngành Hán Nôm, đợt sáng tác câu đối, đại tự cho 4 ban thờ các Hoàng đế Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông, Lê Thánh Tông và Tư nghiệp Quốc Tử Giám Chu Văn An tại hậu đường nhà Thái học Văn Miếu – Quốc Tử Giám Hà Nội là một việc làm khó khăn và mang nhiều kỉ niệm. Trường Đại học KH&HTN được Sở văn hoá, UBND Thành phố Hà Nội giao cho thực hiện công việc này trong khoảng thời gian chưa đầy một năm để cho kịp Đại lễ kỉ niệm 990 năm Thăng Long Hà Nội. Nhà trường đã thành lập Hội đồng khoa học để đánh giá và tuyển chọn các câu đối và đại tự cho từng ban thờ. Hội đồng đã mời được các thành viên là giáo sư, phó giáo sư của 2 ngành Hán Nôm và Văn học cổ của Trường ĐHKHXH&NV, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội, Trường ĐHNgoại ngữ, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Văn học. Cuộc tuyển chọn đã tiến hành ở 2 cấp: cấp trường và cấp thành phố, phương pháp tuyển chọn dựa trên cơ sở Hội đồng thảo luận, phân tích rồi bình chọn. Kết quả, trong số 100 câu đối và gần 100 đại tự từ các nơi gửi về, chỉ có 4 đôi câu đối, 4 đại tự được tuyển chọn, trong đó đã có 3 câu đối, 3 đại tự do Bộ môn Hán Nôm sáng tác và xác lập. Trước khi đem khắc các câu đối và đại tự đã được triển lãm một thời gian để lấy ý kiến đóng góp của đồng đảo các nhà khoa học có quan tâm.

Sau này Bộ môn Hán Nôm còn tham gia sáng tác câu đối và đại tự cho các di tích ở Hà Nội và các tỉnh khác.

Hoàn thành những công việc trên mới chỉ là những cố gắng ở từng cá nhân, từng

nhóm. Việc này cần phải hiện thực hoá trong chương trình đào tạo của Ngành thì mới mong có lực lượng, qua đó có kết nối, duy trì lâu dài và tạo thành nếp văn hoá.

Nhìn chung, trong sự nghiệp phục hưng và phát triển văn hoá dân tộc, nhiều di tích lịch sử văn hoá tôn giáo được trùng tu, kể cả xây dựng mới đều cần đến một hệ thống văn tự Hán Nôm, kể cả Quốc ngữ để viết đại tự, câu đối, văn bia, minh chuông...; trong khi đó các thể hệ âm tường Hán Nôm làm việc này thì đã dần vắng bóng. Vì thế Ngành Hán Nôm, với nhận thức sâu sắc về sự cần thiết của văn hoá Hán Nôm trong đời sống hiện đại, cần đào tạo những người có khả năng để đảm nhận công việc khó khăn trên.

Trong thực tế đã xuất hiện những sản phẩm tự phát về thư pháp và sáng tác văn chương ra đời trên khắp các di tích ở các miền. Các văn bản mới ấy thường mắc nhiều sai sót về ngữ văn Hán Nôm và về thư pháp, do vậy làm giảm giá trị văn hoá của các di tích. Tình trạng này hình như chưa được các nhà quản lí văn hoá quan tâm khắc phục, chưa có một quy chế cho việc sáng tác để đưa vào di tích văn hoá lịch sử. Tôi mong, Bộ môn Hán Nôm và Trường ĐHKHXH&NV phát huy hơn nữa việc đào tạo đội ngũ kế cận, xây dựng lực lượng, ngõ hầu hoàn thành sự nghiệp bảo tồn, phát huy văn hoá Hán Nôm, cho hôm nay và cho mai sau.